CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Xuất nhập khẩu Sa Giang

Ngày 31/03/2025	128,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.2%	**6.1%**	**13.8%**

DT thuần
Q1/25
167
tỷ VNĐ
QoQ: ▼20.0| -10.7%
YoY: ▲ 5.00| 3.1%

LN thuần
Q1/25
34.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 14.5| 73.4%
YoY: ▲ 0.70| 1.9%

LN sau thuế
Q1/25
27.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.90| 56.9%
YoY: ▼0.40| -1.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
20.6%
YoY: +/-▲ 9.9%

ROE (TTM)
Q1/25
30.5%
YoY: +/-▼ 3.2%

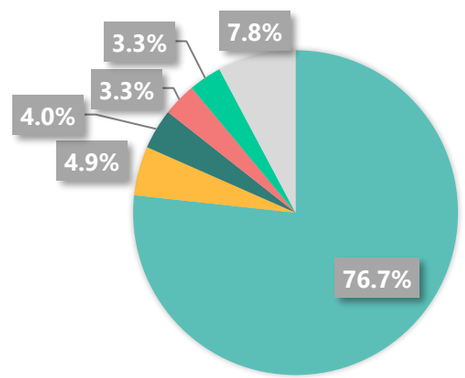
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	70,385 - 149,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	915
Số lượng CPLH (CP)	7,147,580
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,425
Sở hữu nước ngoài	1.1%
Beta	
EPS	13,971
P/E	9.2

DT thuần
2024
708
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 253| 55.6%

LN thuần
2024
119
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 58.2| 95.0%

LN sau thuế
2024
100
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 48.6| 94.8%

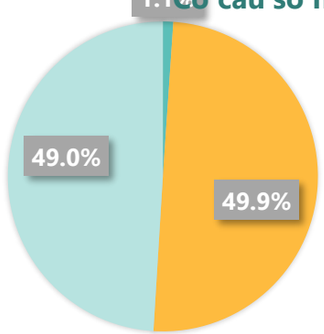
Cơ cấu cổ đông



- CTCP Vĩnh Hoàn
- Phạm Thanh Hoa
- Trần Thị Thanh Thúy (Thành viên HĐQT)
- Phạm Thanh Hùng
- Phạm Hồng Thịnh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

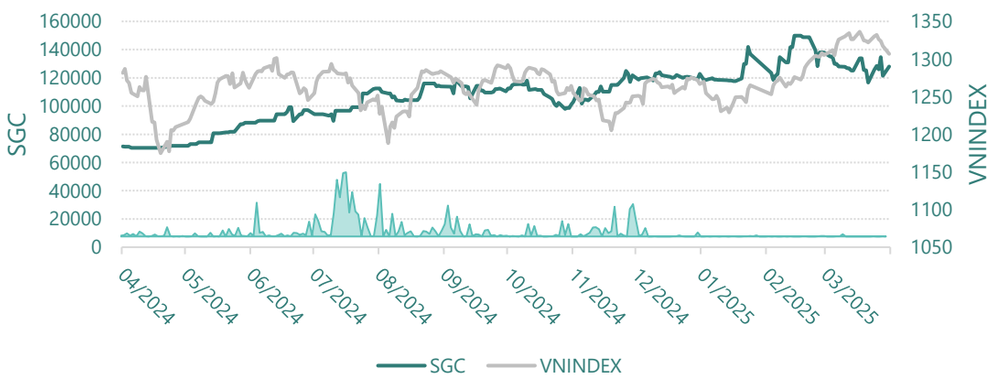
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

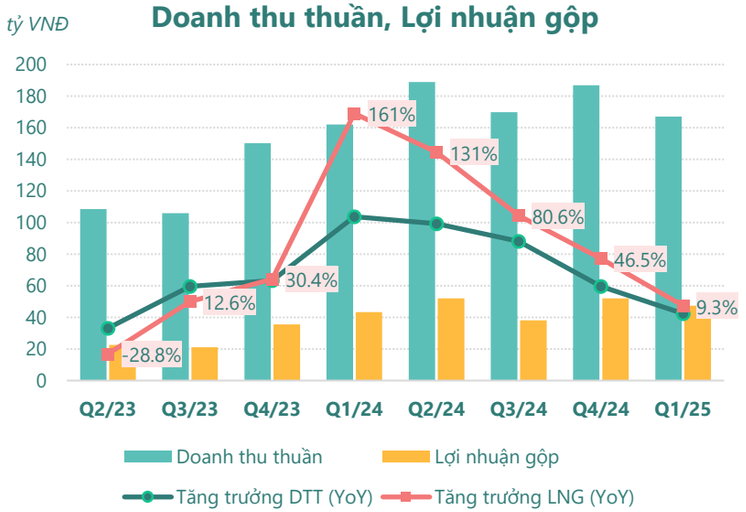
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



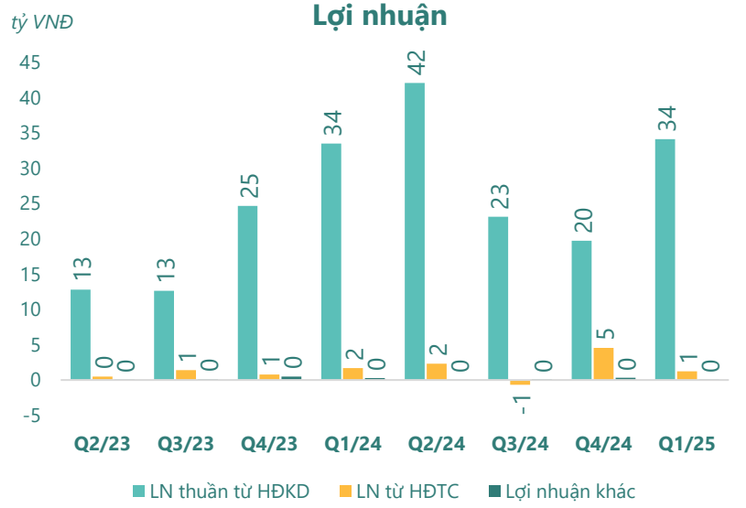
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



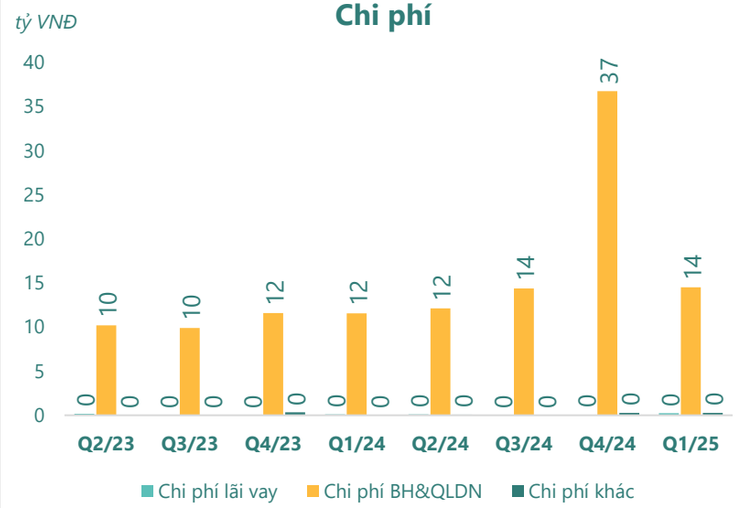
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



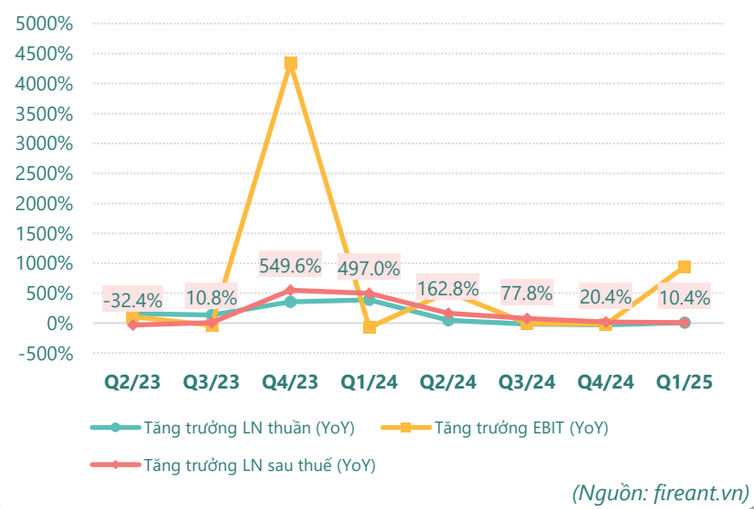
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



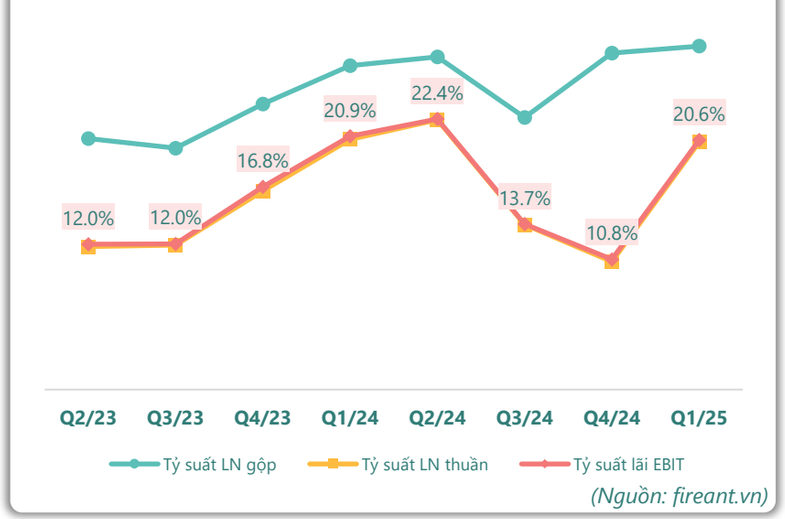
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



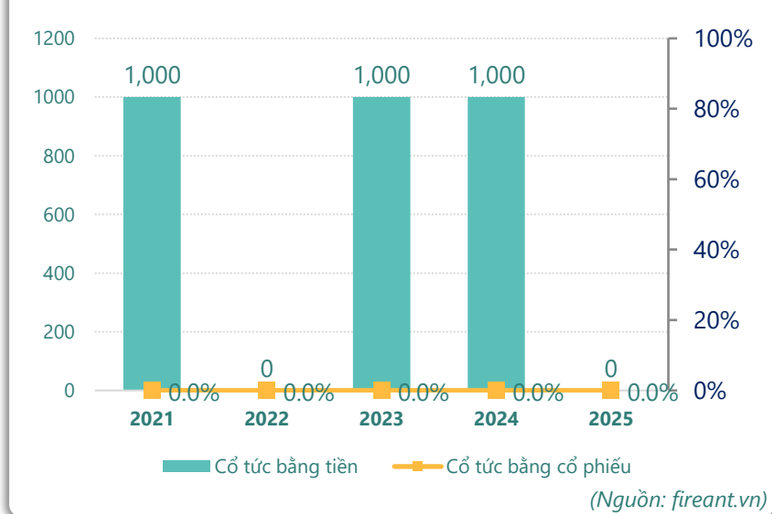
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

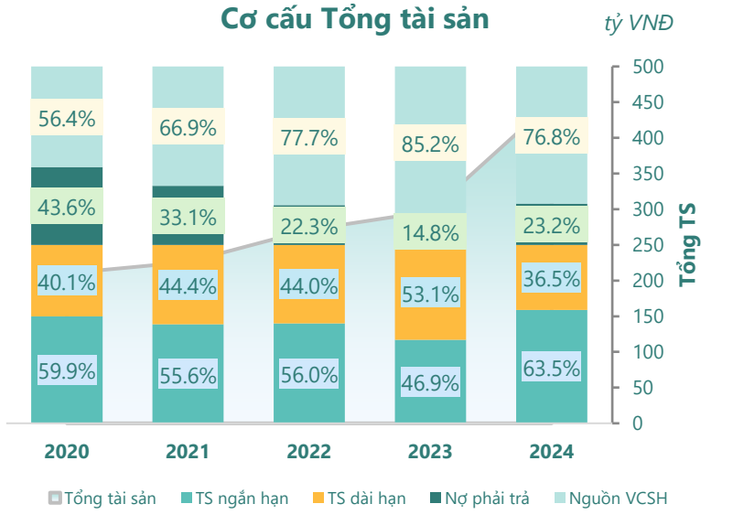
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

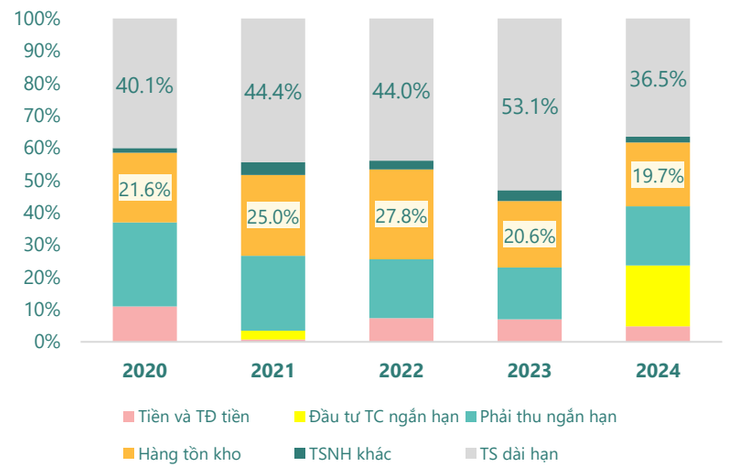
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



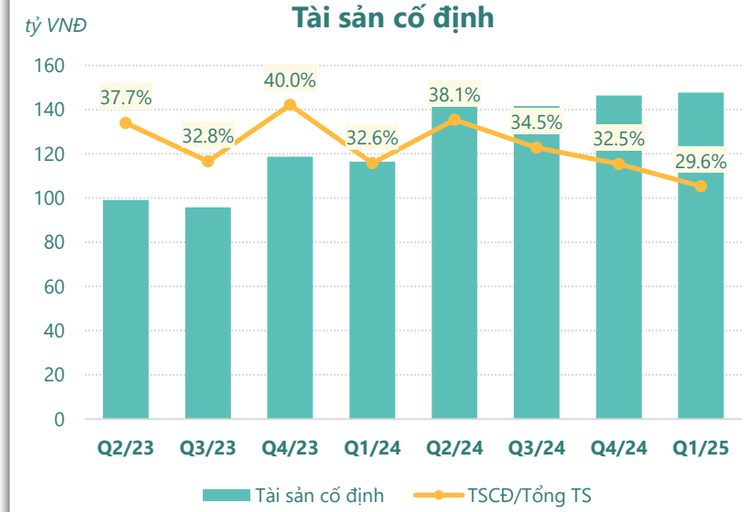
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



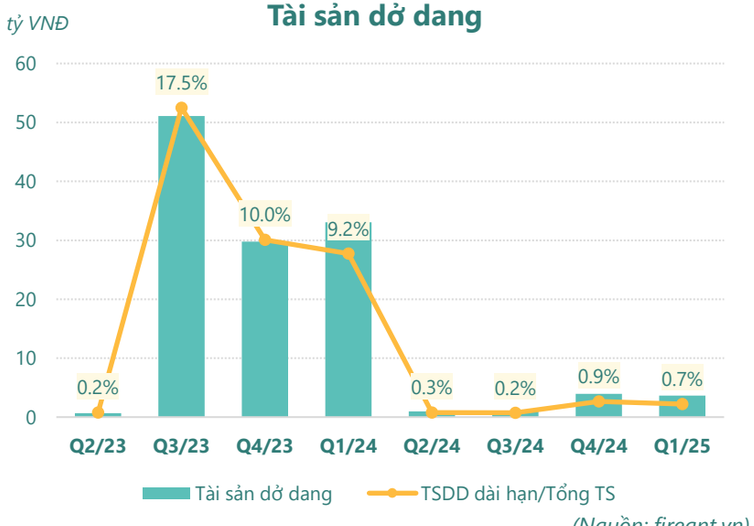
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



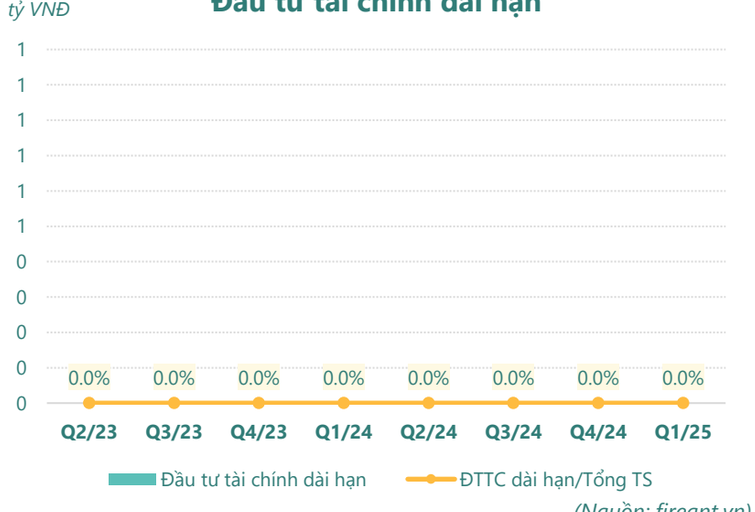
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



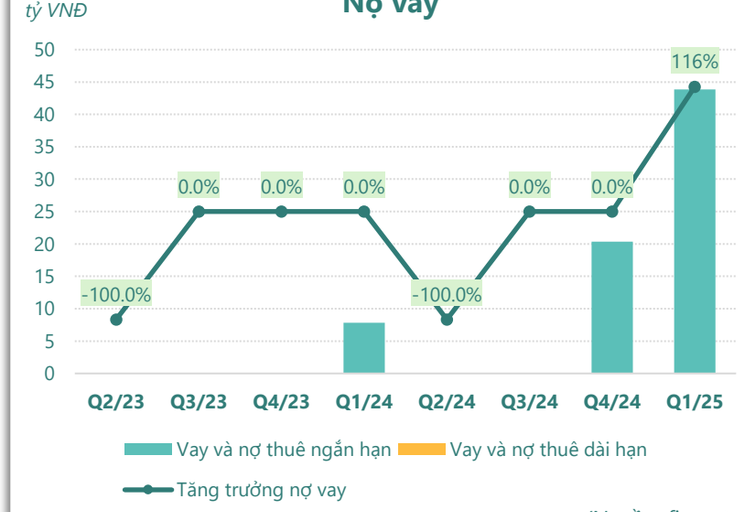
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

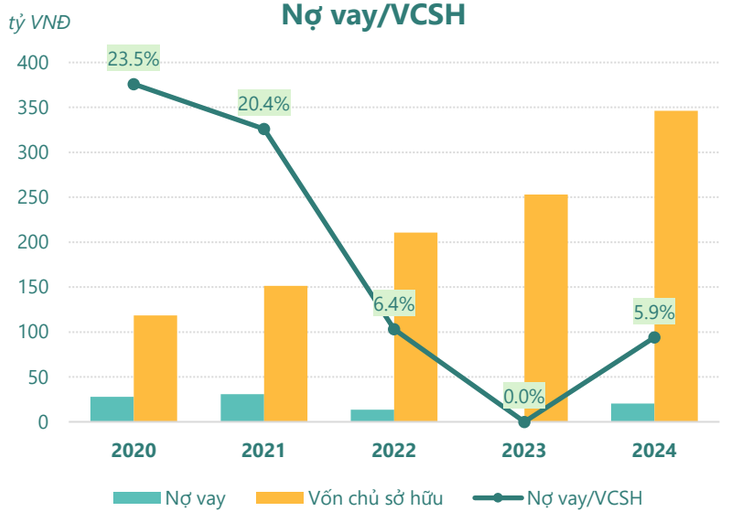
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

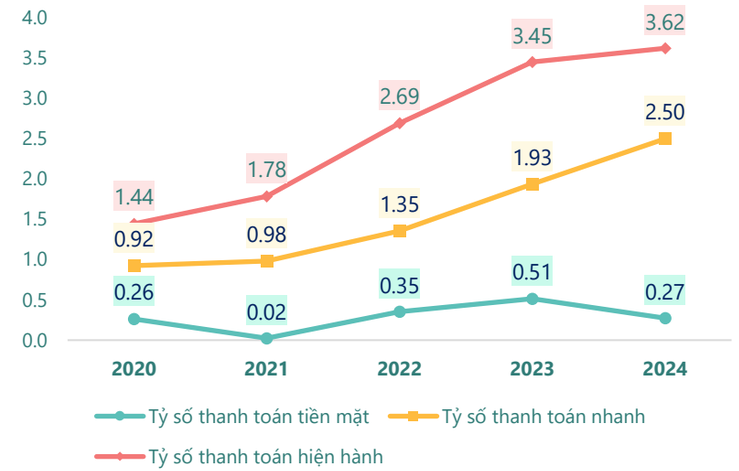
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



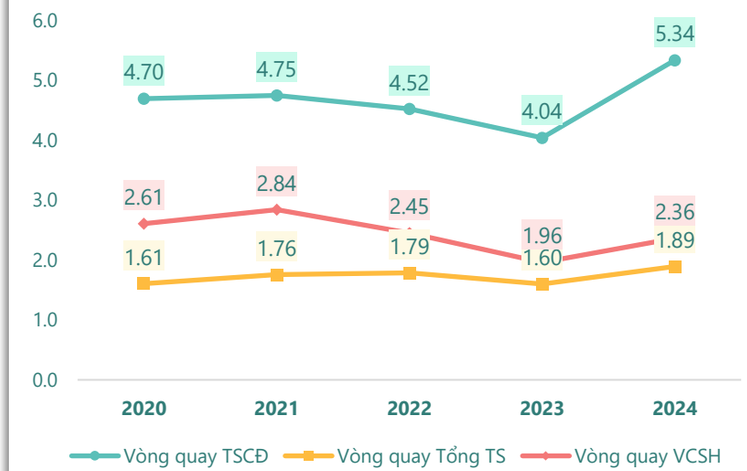
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



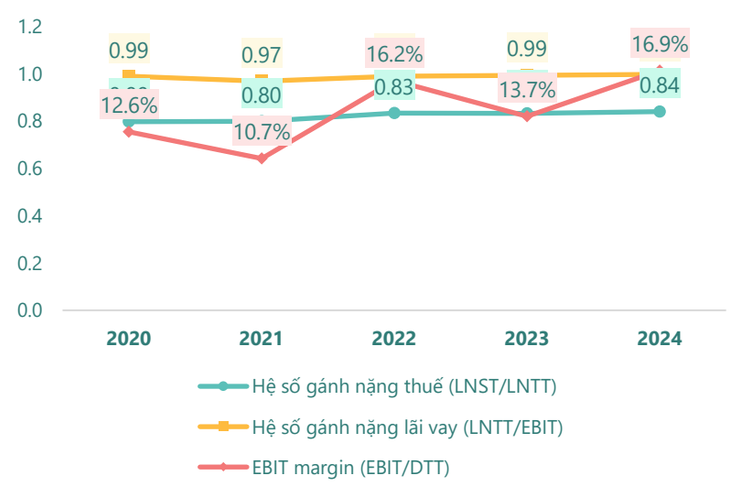
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



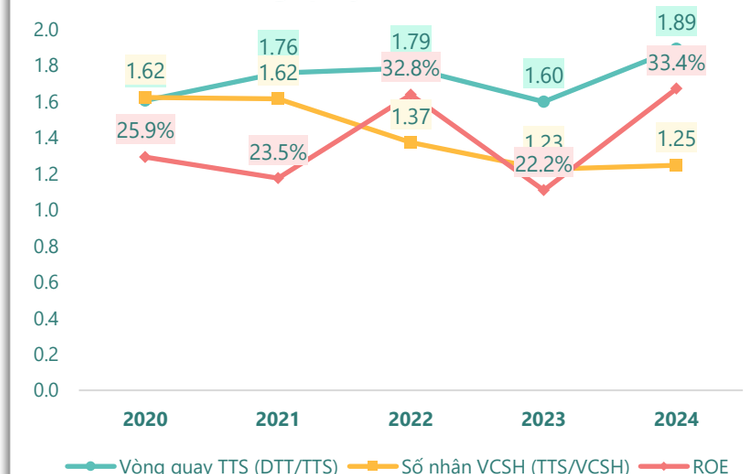
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



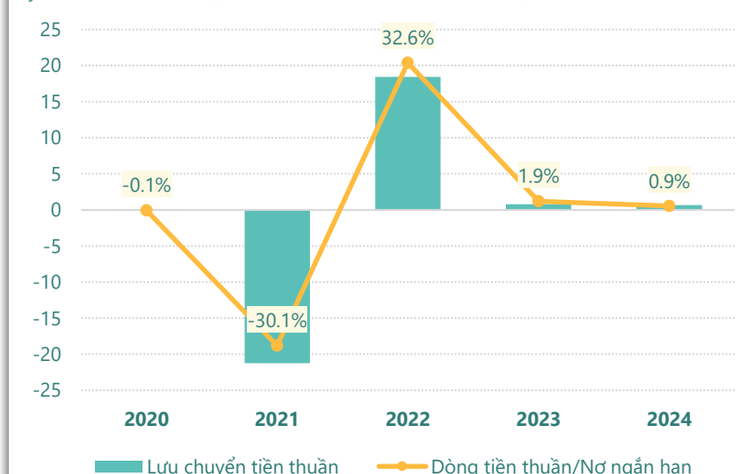
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**167**	**162**	**3.1%**	**708**	**455**	**55.6%**
Giá vốn hàng bán	120	119	0.5%	520	355	46.6%
Lợi nhuận gộp	47.4	43.4	9.2%	187	99.9	87.5%
Doanh thu HĐTC	1.73	1.90	-9.0%	9.71	3.88	150%
Chi phí TC	0.48	0.19	154%	1.86	1.15	61.4%
Chi phí lãi vay	0.22	0.12	86.9%	0.27	0.40	-31.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	8.49	6.97	21.8%	36.3	24.5	48.4%
Chi phí QLDN	**6.01**	**4.60**	**30.6%**	**40.5**	**17.4**	**132%**
LN thuần từ HĐKD	34.2	33.5	1.9%	119	60.8	95.0%
Lợi nhuận khác	**0.08**	**0.29**	**-71.9%**	**0.74**	**1.01**	**-27.1%**
LN trước thuế	34.2	33.8	1.3%	119	61.8	93.0%
Lợi nhuận sau thuế	**27.3**	**27.7**	**-1.4%**	**100**	**51.4**	**94.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**27.3**	**27.7**	**-1.4%**	**100**	**51.4**	**94.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.1	-9.86	48.1	51.0	9.51	1.52
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-24.4	-15.1	-4.63	-64.9	-26.6	9.23
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	7.81	-7.81	-7.15	20.3	23.5
Tiền đầu kỳ	23.1	20.7	3.59	39.2	18.2	21.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.30**	**-17.1**	**35.6**	**-21.0**	**3.21**	**34.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.10	0.01	0.00	-0.06	0.09	0.18
Tiền cuối kỳ	20.7	3.59	39.2	18.2	21.5	55.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**499**	**450**	**10.7%**
Tài sản ngắn hạn	330	286	15.3%
Tiền và tương đương tiền	55.9	21.5	161%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.0	85.0	-17.6%
Phải thu ngắn hạn	76.5	82.5	-7.2%
Hàng tồn kho	113	88.7	27.3%
Tài sản ngắn hạn khác	14.2	8.37	70.1%
Tài sản dài hạn	**169**	**165**	**2.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	148	146	0.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.66	3.97	-7.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**17.6**	**14.1**	**25.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	125	104	19.9%
Nợ ngắn hạn	**104**	**79.0**	**31.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	43.8	20.3	116%
Phải trả người bán ngắn hạn	21.8	18.2	19.9%
Nợ dài hạn	21.0	25.3	-17.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**373**	**346**	**7.9%**
Vốn chủ sở hữu	**373**	**346**	**7.9%**
Vốn điều lệ	71.5	71.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)